

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ngày 20 tháng 7 năm 2017 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thay thế Nghị quyết 103/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Làm cơ sở cho cơ quan, đơn vị lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Đảm bảo kinh phí phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được công khai, minh bạch.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tỉnh. Để đáp ứng kịp thời yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang, việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân thủ các nguyên tắc của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài việc bảo đảm nguồn lực, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng cần đảm bảo nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Xây dựng định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang phù hợp với quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với khả năng ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Thông báo số /TB-HĐND ngày tháng năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì soạn thảo; dự thảo văn bản đã được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh và được Sở Tư pháp thẩm định đúng theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp để thông qua các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 04 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Điều 3. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Tờ trình này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cơ quan, đơn vị, bao gồm các văn bản sau:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Đối tượng áp dụng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Nội dung chi và mức chi

a) Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất của từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

- Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
- Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
- Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.
- Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
- Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.
- Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự án; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có

quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

- Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

- Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

- Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

- Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

- Mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo Biểu mức chi cho công tác xây dựng văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và hoàn thiện hệ thống pháp luật ban hành kèm theo Tờ trình này.

- Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b tiểu khoản 2.2 khoản 2 Mục IV Tờ trình này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

- + Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- + Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đài thọ;

- + Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo quy định hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách nhà nước;

+ Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu;

+ Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

+ Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

c) Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân.

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Loại văn bản	Cấp ban hành văn bản	Định mức phân bổ
1	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	30.000.000
		Cấp huyện	15.000.000
		Cấp xã	10.000.000
2	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	20.000.000
		Cấp huyện	10.000.000
		Cấp xã	8.000.000
3	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	24.000.000
		Cấp huyện	19.200.000
		Cấp xã	15.360.000
4	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	16.000.000
		Cấp huyện	12.800.000
		Cấp xã	10.240.000

- Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại gạch đầu dòng điểm c tiểu khoản 2.2 khoản 2 Mục IV Tờ trình này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ

cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Tờ trình này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

d) Các nội dung khác: thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình thông qua Nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang năm 2022, kỳ họp thứ X.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này là dự thảo Nghị quyết và các văn bản khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**BIỂU MỨC CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC	Mức chi NQ 103/2017/NQ-HĐND			Theo Thông tư số 42/2022/TT-BTC	Mức chi đối với từng cấp (Mức đề xuất), cấp tỉnh = 100% TT, cấp huyện = 80% cấp tỉnh, cấp xã = 80% cấp huyện			So sánh TT 42/2022/TT-BTC tăng so với TT 338/2016/TT-BTC
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân										
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Đề cương	950.000	950.000	750.000	600.000	1.500.000	1.500.000	1.200.000	960.000	58%
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Đề cương	650.000	650.000	500.000	400.000	950.000	950.000	760.000	608.000	46%
2	Soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân										
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Dự thảo văn bản	3.200.000	3.200.000	2.500.000	2.000.000	4.800.000	4.800.000	3.840.000	3.072.000	50%
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Dự thảo văn bản	2.700.000	2.700.000	2.100.000	1.700.000	4.000.000	4.000.000	3.200.000	2.560.000	48%
3	Soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản										
3.1	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		0	0	0	0	3.000.000	3.000.000	2.400.000	1.920.000	
3.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	250.000	250.000	200.000	160.000	900.000	900.000	720.000	576.000	26%
3.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	150.000	150.000	120.000	90.000	600.000	600.000	480.000	384.000	300%
3.3	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000	350.000	280.000	220.000	900.000	900.000	720.000	576.000	157%
3.4	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	250.000	250.000	200.000	160.000	600.000	600.000	480.000	384.000	140%
3.5	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo										
-	Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	350.000	350.000	280.000	220.000	500.000	500.000	400.000	320.000	43%
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	200.000	200.000	160.000	120.000	300.000	300.000	240.000	192.000	50%
3.6	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	Đồng/báo cáo	6.000.000	6.000.000	4.800.000	3.800.000	8.000.000	8.000.000	6.400.000	5.120.000	33%
3.7	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	Đồng/báo cáo	0	0	0	0	2.000.000	2.000.000	1.600.000	1.280.000	
3.8	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	Đồng/báo cáo	0	0	0	0	2.000.000	2.000.000	1.600.000	1.280.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC	Mức chi NQ 103/2017/NQ-HĐND			Theo Thông tư số 42/2022/TT-BTC	Mức chi đối với từng cấp (Mức để xuất), cấp tỉnh = 100% TT, cấp huyện = 80% cấp tỉnh, cấp xã = 80% cấp huyện			So sánh TT 42/2022/TT-BTC tăng so với TT 338/2016/TT-BTC
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
3.9	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	0	0	0	0	4.000.000	4.000.000	3.200.000	2.560.000	
3.10	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	0	0	0	0	3.000.000	3.000.000	2.400.000	1.920.000	
3.11	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Đồng/báo cáo	3.400.000	3.400.000	0	0	6.800.000	6.800.000	0	0	100%
3.12	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	Đồng/báo cáo	1.700.000	1.700.000	1.350.000	0	5.000.000	5.000.000	4.000.000	0	191%
3.13	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	Đồng/báo cáo	900.000	0	900.000	700.000	1.800.000	-	1.800.000	1.440.000	100%
3.14	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề	Đồng/báo cáo	3.400.000	3.400.000	2.700.000	2.100.000	10.000.000	10.000.000	8.000.000	6.400.000	191%
3.15	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối xuất	Đồng/báo cáo	2.000.000	2.000.000	1.600.000	1.200.000	5.000.000	5.000.000	4.000.000	3.200.000	130%
4	Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản										
a	Văn bản góp ý	Đồng/văn bản	250.000	250.000	200.000	160.000	350.000	350.000	280.000	224.000	40%
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Đồng/báo cáo	500.000	500.000	400.000	320.000	750.000	750.000	600.000	480.000	50%
5	Chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	Đồng/lần chỉnh lý	200.000	200.000	160.000	120.000	300.000	300.000	240.000	192.000	50%
6	Cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật;										
a	Người chủ trì	Đồng/người/cuộc họp	150.000	150.000	120.000	90.000	150.000	150.000	120.000	96.000	60%
b	Các thành viên tham dự	Đồng/người/cuộc họp	100.000	100.000	80.000	60.000	100.000	100.000	80.000	64.000	64%
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	200.000	200.000	160.000	120.000	400.000	400.000	320.000	256.000	100%

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Số: /2022/NQ-HDND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số /BC-HDND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 2. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất của từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự án; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo Biểu mức chi cho công tác xây dựng văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và hoàn thiện hệ thống pháp luật ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đài thọ;

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo quy định hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu;

đ) Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

e) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng

văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân.

Đơn vị tính: Đồng/văn bản

STT	Loại văn bản	Cấp ban hành văn bản	Định mức phân bổ
1	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	30.000.000
		Cấp huyện	15.000.000
		Cấp xã	10.000.000
2	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	20.000.000
		Cấp huyện	10.000.000
		Cấp xã	8.000.000
3	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	24.000.000
		Cấp huyện	19.200.000
		Cấp xã	15.360.000
4	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	16.000.000
		Cấp huyện	12.800.000
		Cấp xã	10.240.000

2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Nghị quyết này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được quy định tại Nghị quyết này và tại các văn bản

dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được thực hiện cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**BIỂU MỨC CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Đề cương	1.500.000	1.200.000	960.000
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Đề cương	950.000	760.000	608.000
2	Soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
a	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Dự thảo văn bản	4.800.000	3.840.000	3.072.000
b	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Dự thảo văn bản	4.000.000	3.200.000	2.560.000
3	Soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
3.1	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		3.000.000	2.400.000	1.920.000
3.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	900.000	720.000	576.000
3.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	600.000	480.000	384.000
3.3	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	900.000	720.000	576.000
3.4	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	600.000	480.000	384.000
3.5	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo				
-	Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	500.000	400.000	320.000
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/báo cáo	300.000	240.000	192.000
3.6	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	Đồng/báo cáo	8.000.000	6.400.000	5.120.000
3.7	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.600.000	1.280.000
3.8	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.600.000	1.280.000
3.9	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	4.000.000	3.200.000	2.560.000
3.10	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	3.000.000	2.400.000	1.920.000
3.11	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Đồng/báo cáo	6.800.000	0	0
3.12	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	Đồng/báo cáo	5.000.000	4.000.000	0
3.13	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	Đồng/báo cáo	-	1.800.000	1.440.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
3.14	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề	Đồng/báo cáo	10.000.000	8.000.000	6.400.000
3.15	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối xuất	Đồng/báo cáo	5.000.000	4.000.000	3.200.000
4	Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản				
a	Văn bản góp ý	Đồng/văn bản	350.000	280.000	224.000
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Đồng/báo cáo	750.000	600.000	480.000
5	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	Đồng/lần chỉnh lý	300.000	240.000	192.000
6	Cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật;				
a	Người chủ trì	Đồng/người/cuộc họp	150.000	120.000	96.000
b	Các thành viên tham dự	Đồng/người/cuộc họp	100.000	80.000	64.000
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	400.000	320.000	256.000
7	Lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có): Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập.	Đồng/báo cáo	1.500.000	1.200.000	960.000
8	Thuê dịch và hiệu đính tài liệu				
a	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Đồng/trang (350 từ)	150.000	120.000	96.000
b	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Đồng/trang (350 từ)	180.000	144.000	115.200
c	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số	Đồng/trang (350 từ)	150.000	120.000	96.000
d	Hiệu đính tài liệu dịch	Đồng/trang (350 từ)	60.000	48.000	38.400
đ	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng so với mức chi biên dịch nêu trên	Đồng/trang (350 từ)	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2021/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 64/2021/TT-BTC quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc ban hành mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Làm cơ sở cho cơ quan quản lý nhà nước lập dự toán chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và thực hiện các nhiệm vụ

phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được công khai, minh bạch.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan; đồng thời, phù hợp với điều kiện của địa phương và đảm bảo tính khả thi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Thông báo số /TB-HĐND ngày tháng năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì soạn thảo; dự thảo văn bản đã được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh và được Sở Tư pháp thẩm định đúng theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp để thông qua các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 04 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Tờ trình này quy định nội dung chi và mức chi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

b) Nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Nội dung mức chi

a) Chi xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các dữ liệu, cơ sở dữ liệu phục vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ), các văn bản hiện hành về chi ứng dụng công nghệ thông tin và các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

b) Chi hoạt động cung cấp thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ dưới các hình thức: tài liệu viết; dữ liệu điện tử (bản tin pháp luật, phóng sự, chuyên đề, chuyên mục nâng cao kiến thức pháp luật) để đăng tải trên các phương tiện truyền thông; mức chi cụ thể như sau:

- Chi biên soạn sách, tài liệu: thực hiện theo quy định về chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội

dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

- Chi sản xuất, phát hành, phát sóng các chương trình thu hình, thu thanh; các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động cung cấp thông tin: mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Chi tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP:

- Chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật:

- + Các khoản chi do doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật tự chi trả bao gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và các khoản chi khác do doanh nghiệp quyết định hỗ trợ cho người lao động khi tham dự tập huấn theo khả năng nguồn kinh phí của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hạch toán các khoản chi hỗ trợ cho người lao động của doanh nghiệp tham dự tập huấn vào chi phí hoạt động của doanh nghiệp theo quy định. Mức chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ để tính vào chi phí hoạt động của doanh nghiệp thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- + Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi còn lại (trừ chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ tại gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm c tiểu khoản 2.4 khoản 4 Mục IV Tờ trình này) để tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật: thực hiện theo quy định Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đối với chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho các đối tượng của địa phương làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12

năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

d) Chi tổ chức đối thoại, diễn đàn tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

đ) Chi mua các ấn phẩm, sách, tài liệu tuyên truyền phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Chi xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- Chi khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Chi các cuộc họp góp ý đề cương chương trình, xét duyệt, thẩm định, xây dựng nội dung chương trình: thực hiện theo chế độ hội nghị quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Chi thực hiện chương trình: các cơ quan được giao thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa căn cứ chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chế độ, định mức chi đã được quy định để thực hiện.

g) Kinh phí tổ chức các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết; hội nghị tập huấn; công tác phí trong nước; đi công tác nước ngoài; chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại; chi làm đêm, thêm giờ phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chi hoạt động kiểm tra, giám sát: thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định hiện hành.

h) Các nội dung khác không được quy định tại Tờ trình này thì thực hiện theo Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà

nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định hướng dẫn hiện hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình thông qua Nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang năm 2022, kỳ họp thứ X.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này là dự thảo Nghị quyết và các văn bản khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn

Số: /2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chung phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các dữ liệu, cơ sở dữ liệu phục vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ), các văn bản hiện hành về chi ứng dụng công nghệ thông tin và các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Chi hoạt động cung cấp thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ dưới các hình thức: tài liệu viết; dữ liệu điện tử (bản tin pháp luật, phóng sự, chuyên đề, chuyên mục nâng cao kiến thức pháp luật) để đăng tải trên các phương tiện truyền thông; mức chi cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn sách, tài liệu: thực hiện theo quy định về chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi sản xuất, phát hành, phát sóng các chương trình thu hình, thu thanh; các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động cung cấp thông tin: mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Chi tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP:

a) Chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật:

- Các khoản chi do doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật tự chi trả bao gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và các khoản chi khác do doanh nghiệp quyết định hỗ trợ cho người lao động khi tham dự tập huấn theo khả năng nguồn kinh phí của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hạch toán các khoản chi hỗ trợ cho người lao động của doanh nghiệp tham dự tập huấn vào chi phí hoạt động của doanh nghiệp theo quy định. Mức chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ để tính vào chi phí hoạt động của doanh nghiệp thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi còn lại (trừ chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này) để tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật: thực hiện theo quy định Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Đối với chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho các đối tượng của địa phương làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

4. Chi tổ chức đối thoại, diễn đàn tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

5. Chi mua các ấn phẩm, sách, tài liệu tuyên truyền phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chi xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Chi khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

b) Chi các cuộc họp góp ý đề cương chương trình, xét duyệt, thẩm định, xây dựng nội dung chương trình: thực hiện theo chế độ hội nghị quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

c) Chi thực hiện chương trình: các cơ quan được giao thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa căn cứ chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chế độ, định mức chi đã được quy định để thực hiện.

7. Kinh phí tổ chức các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết; hội nghị tập huấn; công tác phí trong nước; đi công tác nước ngoài; chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại; chi làm đêm, thêm giờ phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chi hoạt động kiểm tra, giám sát: thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định hiện hành.

8. Các nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định hướng dẫn hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP. Chủ tịch nước;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh KG;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh và tương đương;
- Đăng Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH